TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHÂU THÀNH** **TỈNH HẬU GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số:35/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 18/6/2019.
V/v xin ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH- TỈNH HẬU GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Nhân.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Châu Văn Bằng.
2. Ông Nguyễn Việt Quốc.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Thanh Mộng, thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Hậu Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành không tham gia phiên toà.

Ngày 18 tháng 6 năm 2019 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Hậu Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 150/2019/TLST- HNGĐ ngày 21 tháng 5 năm 2019 về việc xin ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 29/2019/QĐXX-ST ngày 05 tháng 6 năm 2019 giữa các đương sự:

-*Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị S, sinh năm: 1992.

Địa chỉ: ấp Phú Xuân A, thị trấn Mái Dầm, huyện Châu Thành, tỉnh Hậu Giang (có mặt).

-*Bị đơn:* Anh Lê Tuấn Đ, sinh năm: 1987.

Địa chỉ: ấp Phú Xuân A, thị trấn Mái Dầm, huyện Châu Thành, tỉnh Hậu Giang (có mặt).

Chỗ ở hiện nay: ấp Hòa An, xã Xuân Hòa, huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 04/04/2019 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, cũng như tại phiên tòa nguyên đơn chị Nguyễn Thị S trình bày:

Giữa nguyên đơn và bị đơn kết hôn năm 2011 hôn nhân là do nguyên đơn và bị đơn quen biết tự nguyện tiến tới hôn nhân có tổ chức lễ cưới theo truyền thống và có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật tại Ủy ban nhân dân thị trấn Mái Dầm, huyện Châu Thành, tỉnh Hậu Giang. Thời gian đầu vợ chồng sống hạnh phúc đến tháng 02 năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn, do bị đơn không quan tâm gia đình và nguyên đơn, bị đơn không hợp nhau về tính

tình, cách sống, thường xuyên xảy ra mâu thuẫn làm cho đời sống vợ chồng ngày càng trầm trọng, đời sống chung vợ chồng không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được, sống ly thân từ tháng 02 năm 2019 đến nay. Nguyên đơn chị Nguyễn Thị S yêu cầu giải quyết được ly hôn với bị đơn Lê Tuấn Đ.

Quá trình chung sống nguyên đơn và bị đơn có hai con chung cháu Lê Duy T, sinh năm 2012 và cháu Lê Thống N, sinh năm 2016 hiện đang sống với nguyên đơn, nguyên đơn yêu cầu được nuôi con chung, không yêu cầu bị đơn cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung, nợ cho vay: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Lê Tuấn Đ trình bày: Bị đơn đồng ý với nguyên đơn về thời gian kết hôn năm 2011 có tổ chức lễ cưới theo truyền thống và có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật, con chung, quá trình chung sống không có tài sản chung, nợ chung, nợ cho vay. Mâu thuẫn vợ chồng do nguyên đơn không chung thủy với bị đơn nên phát sinh mâu thuẫn từ tháng 10 năm 2017, bị đơn và nguyên đơn cũng đã ly thân từ tháng 02 năm 2019. Bị đơn không đồng ý ly hôn với nguyên đơn, bị đơn xin đoàn tụ lại với nguyên đơn.

Về con chung bị đơn yêu cầu được nuôi hai con chung và không yêu cầu nguyên đơn cấp dưỡng, nếu nguyên đơn nuôi con chung thì nuôi hai cháu bị đơn vẫn đồng ý để nguyên đơn nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung, nợ cho vay: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả việc hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng và quan hệ pháp luật: Nguyên đơn Nguyễn Thị S khởi kiện về việc xin ly hôn với bị đơn Lê Tuấn Đ và bị đơn đang cư trú tại ấp Phú Xuân A, thị trấn Mái Dầm, huyện Châu Thành, tỉnh Hậu Giang nên đây là tranh chấp hôn nhân và gia đình được quy định tại Điều 28, 35, 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 xác định đây là vụ án về việc xin ly hôn yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đúng trình tự thủ tục, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành nên được xem xét, giải quyết theo quy định của pháp luật.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Giữa nguyên đơn Nguyễn Thị S và bị đơn Lê Tuấn Đ tự nguyện tiến tới hôn nhân vào năm 2011 có tổ chức lễ cưới theo truyền thống và có đến cơ quan có thẩm quyền đăng ký kết hôn theo quy định của luật Hôn nhân và gia đình, nên quan hệ hôn nhân giữa chị Nguyễn Thị S và anh Lê Tuấn Đ là hợp pháp, do đó khi có yêu cầu xin ly hôn Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật về hôn nhân và gia đình. Trong quá trình chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng ý kiến trong cuộc sống về tính tình và cách sống và sống ly thân từ tháng 2 năm 2019 đến nay, vợ chồng không còn quan tâm, chăm sóc nhau tự ai nấy sống. Chứng tỏ

quan hệ hôn nhân giữa nguyên đơn và bị đơn đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn được Hội đồng xét xử xem xét theo quy định của Điều 56 luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 là có cơ sở chấp nhận.

[3] Về con chung tại phiên tòa hôm nay bị đơn đồng ý để nguyên đơn được nuôi hai con chung và nguyên đơn cũng có nguyện vọng được nuôi hai con chung, ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận của nguyên đơn và bị đơn, giao con chung cho nguyên đơn nuôi dưỡng và bị đơn chưa phải cấp dưỡng nuôi con.

[4] Về tài sản chung, nợ chung, nợ cho vay nguyên đơn, bị đơn đều khai không có, không yêu cầu nên Hội đồng xét xử xem xét giải quyết.

[5] Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm và quyền kháng cáo: Các đương sự thực hiện theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- *Áp dụng:* Điều 28, 35, 39,147, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự 2015

Điều 56, 81, 82 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014

Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

- *Tuyên xử:*

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Nguyễn Thị S.

1.1. Về quan hệ hôn nhân: Nguyễn Thị S được ly hôn với Lê Tuấn Đ.

1.2. Về con chung giao cháu Lê Duy T, giới tính: Nam, sinh ngày 09/11/2012 và cháu Lê Thống N, giới tính: Nam, sinh ngày 26/01/2016 cho chị Nguyễn Thị S trực tiếp nuôi dưỡng, anh Lê Tuấn Đ chưa phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Dành quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung cho anh Lê Tuấn Đ không ai cản trở.

1.3. Về tài sản chung, nợ chung, nợ cho vay chưa xem xét giải quyết.

2. Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Nguyên đơn Nguyễn Thị S phải chịu 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) được khấu trừ 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0021405 ngày 21/5/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Hậu Giang thành án phí. Nguyên đơn Nguyễn Thị S không phải nộp thêm.

3. Các đương sự được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

4. Trong trường hợp Bản án, Quyết định của Tòa án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự - thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

***Nơi nhận*:**
- TAND tỉnh Hậu Giang;
- VKSND huyện Châu Thành;
- CCTHA huyện Châu Thành;
- UBND xã đã đăng ký kết hôn;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thanh Nhân